

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện cải cách hành chính Quý I và phương hướng thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2019

Thực hiện Công văn số 3477/UBND-NC ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hướng dẫn báo cáo định kỳ về công tác cải cách hành chính. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính Quý I và phương hướng thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2019 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Xác định chủ đề cải cách hành chính năm 2019 là “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả*”, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 14/11/2018 về cải cách hành chính nhà nước huyện Ninh Hải năm 2019; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/02/2019 về phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019.

Duy trì thực hiện tốt công tác tổ chức họp giao ban công tác cải cách hành chính nhằm đánh giá những kết quả đạt được và đề ra những nhiệm vụ cho thời gian tiếp theo. Do đó, nhiệm vụ cải cách hành chính luôn được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện quan tâm, triển khai thường xuyên.

2. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND huyện Ninh Hải ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2019 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2019.

Các cuộc họp giao ban định kỳ, Lãnh đạo UBND huyện đã quán triệt, phổ biến tinh thần chỉ đạo của cấp trên về các nội dung đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung.

Ở các địa phương, UBND huyện chỉ đạo việc tăng cường hệ thống loa đài phát thanh, qua đó để thông tin cho người dân nắm bắt kịp thời các quy định, các chủ trương, chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước.

Trên trang thông tin điện tử huyện Ninh Hải hiện nay ngày càng phong phú, đa dạng về nội dung, số lượng người truy cập ngày càng tăng.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 21/02/2019 về kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2019.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 57-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 11/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương

hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 02/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Ninh Hải.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về tổ chức phục vụ Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019. UBND huyện Ninh Hải đã ban hành Công văn số 113/UBND-VX ngày 11/01/2019 về việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND của UBND tỉnh tổ chức phục vụ Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019 chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn kịp thời quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm giờ giấc làm việc, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ trong những ngày cận Tết và sau khi nghỉ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; bố trí cán bộ, công chức, viên chức trực để xử lý, giải quyết kịp thời công việc trong dịp nghỉ Tết. Ngay sau kỳ nghỉ Tết khẩn trương tập trung giải quyết, xử lý công việc, không để chậm trễ, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và giao dịch của nhân dân. Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện nếu có cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình vi phạm.

Ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019, UBND huyện đã ban hành Công văn 653/UBND-VX ngày 01/3/2019 về triển khai Công văn 1656-CV/HU của Huyện ủy Ninh Hải về việc tập trung thực hiện nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán năm 2019; Công văn số 689/UBND-VX ngày 05/3/2019 để triển khai Công văn số 574/UBND-KTTH ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán năm 2019.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính về giờ giấc, hiệu quả làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc huyện, nhất là trong những ngày cận tết và sau khi nghỉ Tết.

Trong Quý I/2019, Tổ kiểm tra KLIKCHC huyện đã tổ chức kiểm tra đột xuất sau kỳ nghỉ tết tại thị trấn Khánh Hải, qua kiểm tra đơn vị đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về kỷ luật kỷ cương hành chính.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUÝ I

1. Cải cách thể chế

Ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2019 về việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2019; Kế hoạch 06/KH-UBND ngày 08/01/2019 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2019 nhằm đảm bảo 100% các văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện, HĐND và UBND cấp xã được kiểm tra theo đúng quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện Ninh Hải; Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 14/12/2018 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải; Kế

hoạch số 54/KH-UBND ngày 19/02/2019 về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn cập nhật các thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung.

Tăng cường chỉ đạo giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện giảm hồ sơ chậm trễ, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức tận tình, chuyên nghiệp. Tăng cường trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện thủ tục hành chính, kiểm soát quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; có phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; có sổ theo dõi tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả; có văn bản nêu rõ lý do gửi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính trong trường hợp gia hạn thời gian giải quyết, đề nghị bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ ... Đảm bảo tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính (thành phần hồ sơ, thời gian, điều kiện thực hiện).

Về tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc quy định về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính. Thực hiện niêm yết công khai nội dung và địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo công văn hướng dẫn số 16/VPUB-KSTTHC ngày 02/01/2018 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tình hình triển khai và kết quả giải quyết hồ sơ theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” Quý I năm 2019 trên địa bàn huyện (*Phụ lục I*).

3. Cải cách tổ chức, bộ máy hành chính nhà nước

Tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định ban hành quy chế làm việc của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện; Quyết định giao chỉ tiêu biên chế cho Hội Đồng y, Hội Chữ thập đỏ; Kiểm tra thẩm định Bảng đăng ký quỹ lương năm 2019.

Tham mưu UBND huyện tổ chức đánh giá Chương trình hành động đối với 05 chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện; Tờ trình xin ý kiến Ban Thường vụ Huyện ủy về việc giao quyền tạm thời cho đồng chí Võ Thế - PCT.UBND huyện phụ trách nhiệm vụ của Chủ tịch UBND huyện khi bà Nguyễn Thị Diệu Tuyết nghỉ hưu; xin ý kiến Ban Thường vụ Huyện ủy về việc điều động công chức hành chính đến công tác tại Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện.

Tham mưu UBND huyện Quyết định tiếp nhận và điều động công chức 01 trường hợp¹; nâng lương thường xuyên 07 trường hợp; nâng lương trước thời hạn 04 trường hợp; nghỉ phép 05 trường hợp.

¹ Bà Nguyễn Thị Y Trúc đến công tác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Tiếp tục tham mưu UBND huyện thực hiện quy định phân cấp quản lý trên một số lĩnh vực đối với các đơn vị sự nghiệp theo Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 03/5/2007 và Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 11/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Kết quả: Ban hành Quyết định bổ nhiệm 05 trường hợp²; Nâng lương thường xuyên 02 trường hợp (*Hiệu trưởng các trường*); nâng lương vượt khung 02 trường hợp (*Hội Chữ thập đỏ: 01; Hiệu trưởng các trường: 01*); Nâng phụ thâm niên nghề 10 trường hợp (*Hiệu trưởng các trường*).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

UBND huyện luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức đăng ký nhu cầu đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của huyện.

Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức như bổ nhiệm ngạch, xét nâng lương, chuyển xếp lương, nghỉ phép... theo quy định.

Duy trì thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng, quý, năm theo Quyết định số 122/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, của UBND tỉnh Ninh Thuận. Triển khai thực hiện phần mềm đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. 100% các cơ quan, đơn vị toàn huyện thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính công;

Tất cả chi tiêu tài chính, mua sắm tài sản được công khai dân chủ. 100% cơ quan, đơn vị đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động; thực hiện đăng ký quỹ lương năm 2019 theo quy định.

6. Hiện đại hóa hành chính

Nhìn chung, hầu hết cơ quan, đơn vị đều có máy vi tính và sử dụng trang thông tin điện tử của Chính phủ, cổng thông tin điện tử của Ninh Thuận, Trang thông tin của huyện Ninh Hải trong việc cung cấp chia sẻ thông tin. Đẩy mạnh trao đổi công việc qua thư điện tử góp phần giảm tải số lượng văn bản hành chính.

Bên cạnh đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 cho 100% các Phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

² Giám đốc và 02 Phó giám đốc Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện; Giám đốc và Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện.

Thường xuyên lồng ghép nội dung cải cách hành chính vào cuộc họp định kỳ của UBND huyện để tập trung chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm.

Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 đối với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

Triển khai đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung theo Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 đã đề ra. Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng. Thúc đẩy sáng kiến, giải pháp cải tiến trong công tác CCHC góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

2. Về cải cách thể chế

Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ cũng như các văn bản QPPL mới của Trung ương và UBND tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia đông đảo của nhân dân vào công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Tiếp tục thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã. Đẩy mạnh các hình thức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực thi pháp luật ở các cơ quan, đơn vị.

Đảm bảo 100% văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã được ban hành theo đúng tiến độ và được kiểm tra theo đúng quy định.

3. Về cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh thực hiện công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin của UBND huyện.

Cập nhật kịp thời 100% các thủ tục hành chính theo quy định. Tiếp tục rà soát thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực so với quy định.

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện theo quy định.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Tiếp tục rà soát tiêu chuẩn cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu quản lý sử dụng. Trên cơ sở đó, xây dựng quy hoạch, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định hiện hành.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 23/4/2009 của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 26/9/2009 của Huyện ủy Ninh Hải v/v tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; rà soát, điều chỉnh bổ sung tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, tiêu chí thi đua gắn với công tác tinh giản biên chế và công tác đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Duy trì thực hiện đánh giá công chức, viên chức hàng tháng, quý trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và công khai đầy đủ tại cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 122/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

6. Hiện đại hoá nền hành chính nhà nước

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động cơ quan hành chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, quản lý. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị địa phương trong huyện tích cực đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc hành chính.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Kế hoạch số 2402/KH-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

7. Về tài chính công

Tiếp tục thực hiện đầy đủ có hiệu quả luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong tài chính công. Thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp huyện; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2019 của UBND huyện Ninh Hải. /.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- HĐND huyện;
- BCĐ CCHC huyện;
- Phòng Nội vụ;
- 09 xã, thị trấn;
- Trang tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Hòa

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ "MỘT CỬA", "MỘT CỬA LIÊN THÔNG" QUÝ I NĂM 2019 CỦA UBND HUYỆN NINH HẢI

TT	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn giải quyết)	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng (đã quá thời gian giải quyết nhưng chưa có kết quả)	Ghi chú
			Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn				
A	TTHC thực hiện theo cơ chế "MC"	7.212	9	7.203	0	0	0	0	
A1.	Cấp huyện	75	9	66	0	0	0	0	
<i>I</i>	<i>Chứng thực</i>	55	0	55	0	0	0	0	
	1 Ban sao từ ban chính	55	0	55	0	0	0	0	
	2 Chứng thực	0	0	0	0	0	0	0	
<i>II</i>	<i>Hộ tịch</i>	20	9	11	0	0	0	0	
	1 Đăng ký khai sinh	2	0	2	0	0	0	0	
	2 Đăng ký lại khai sinh	1	1	0	0	0	0	0	
	3 Thay đổi, Cải chính hộ tịch	10	6	4	0	0	0	0	
	4 Đăng ký kết hôn	2	0	2	0	0	0	0	
	5 Đăng ký khai tử	0	0	0	0	0	0	0	
	6 Ghi chú kết hôn	1	1	0	0	0	0	0	
	7 Cấp trích lục bản sao	3	0	3	0	0	0	0	
	8 Nhận cha, mẹ, con	1	1	0	0	0	0	0	
<i>III</i>	<i>Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật</i>	0	0	0	0	0	0	0	
<i>IV</i>	<i>Cấp giấy xác nhận kiến thức, đủ điều kiện ATTP</i>	0	0	0	0	0	0	0	
<i>V</i>	<i>Cấp giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá</i>	0	0	0	0	0	0	0	
	1 Cấp giấy phép kinh doanh rượu	0	0	0	0	0	0	0	
	2 Cấp giấy phép kinh doanh thuốc lá	0	0	0	0	0	0	0	

TT	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn giải quyết)	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng (đã quá thời gian giải quyết nhưng chưa có kết quả)	Ghi chú
			Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn				
A2.	Cấp xã	7.137	0	7.137	0	0	0	0	
<i>I</i>	<i>Chứng thực</i>	<i>3.988</i>	<i>0</i>	<i>3.988</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	1 Cấp bản sao từ sổ gốc	872	0	872	0	0	0	0	
	2 Chứng thực bản sao từ bản chính	2.919	0	2.919	0	0	0	0	
	3 Chứng thực chữ ký	55	0	55	0	0	0	0	
	4 Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	0	0	0	0	0	0	0	
	5 Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	0	0	0	0	0	0	0	
	6 Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	0	0	0	0	0	0	0	
	7 Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	142	0	142	0	0	0	0	
	8 Chứng thực di chúc	0	0	0	0	0	0	0	
	9 Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	0	0	0	0	0	0	0	
	10 Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	0	0	0	0	0	0	0	
	11 Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	0	0	0	0	0	0	0	
<i>II</i>	<i>Hộ tịch</i>	<i>1.626</i>	<i>0</i>	<i>1.626</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	1 Đăng ký khai sinh	185	0	185	0	0	0	0	
	2 Đăng ký kết hôn	152	0	152	0	0	0	0	
	3 Đăng ký nhận cha, mẹ, con	0	0	0	0	0	0	0	
	4 Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	0	0	0	0	0	0	0	
	5 Đăng ký khai tử	20	0	20	0	0	0	0	
	6 Đăng ký khai sinh lưu động	9	0	9	0	0	0	0	
	7 Đăng ký kết hôn lưu động	0	0	0	0	0	0	0	
	8 Đăng ký khai tử lưu động	0	0	0	0	0	0	0	
	9 Đăng ký giám hộ	0	0	0	0	0	0	0	

TT	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn giải quyết)	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng (đã quá thời gian giải quyết nhưng chưa có kết quả)	Ghi chú
			Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn				
	10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	0	0	0	0	0	0	
	11	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	8	0	8	0	0	0	
	12	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	125	0	125	0	0	0	
	13	Đăng ký lại khai sinh	490	0	490	0	0	0	
	14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	0	0	0	0	0	0	
	15	Đăng ký lại kết hôn	0	0	0	0	0	0	
	16	Đăng ký lại khai tử	0	0	0	0	0	0	
	17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	637	0	637	0	0	0	
	18	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	0	0	0	0	0	0	
	19	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	0	0	0	0	0	0	
III		<i>Cư trú</i>	<i>1.523</i>	<i>0</i>	<i>1.523</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	1	Đăng ký thường trú	268	0	268	0	0	0	
	2	Xóa đăng ký thường trú	158	0	158	0	0	0	
	3	Đăng ký tạm trú	24	0	24	0	0	0	
	4	Đổi số hộ khẩu	37	0	37	0	0	0	
	5	Tách số hộ khẩu	164	0	164	0	0	0	
	6	Cấp đổi, cấp lại số hộ khẩu	143	0	143	0	0	0	
	7	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	50	0	50	0	0	0	
	8	Chuyển đến	85	0	85	0	0	0	
	9	Điều chỉnh những thay đổi trong số hộ khẩu	500	0	500	0	0	0	
	10	Chuyển đi	94	0	94	0	0	0	
B		TTHC thực hiện theo cơ chế "MCLT"	2.731	308	1.333	303	364	5	418
B1.		Cấp huyện	1.871	308	615	303	222	5	418

TT	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn giải quyết)	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng (đã quá thời gian giải quyết nhưng chưa có kết quả)	Ghi chú
			Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn				
1	Đất đai	1.807	308	551	303	222	5	418	
1	Biến động	52	21	14	8	1	1	7	
2	Biến động (thực hiện NVTC)	5	3	2	0	0	0	0	
3	Biến động + Cấp đổi	10	2	0	2	2	0	4	
4	Biến động + Cấp đổi + GH	6	0	0	1	5	0	0	
5	Biến động +Cấp lại	2	0	0	0	2	0	0	
6	Biến động +Đính chính	1	0	0	0	1	0	0	
7	Biến động+GH	35	19	11	3	0	0	2	
8	Bổ sung tài sản	5	1	0	2	1	0	1	
9	Cấp đổi GCNQSD đất	64	7	5	23	5	0	24	
10	Cấp đổi (phần Chuyển mục đích SD đất)	3	0	0	3	0	0	0	
11	Cấp đổi (phần Chuyển mục đích SD đất) + BSTS	1	0	1	0	0	0	0	
12	Cấp đổi + GH	8	0	0	5	2	0	1	
13	Cấp lại GCNQSD đất	5	0	0	1	2	0	2	
14	Cấp lại + Gia hạn	4	0	0	2	1	0	1	
15	Cấp mới GCNQSD đất	208	5	5	26	30	0	142	
16	Cấp mới theo K2Đ82	8	0	0	0	3	0	5	
17	Cấp mới theo K2Đ82 + Chuyển mục đích	1	0	0	0	0	0	1	
18	Thâm định + Chuyển mục đích SD đất	0	0	0	0	0	0	0	
19	Chuyển mục đích SDD	29	1	1	0	5	1	21	
20	Chuyển nhượng	176	26	50	46	22	1	31	
21	Chuyển nhượng+Biến động	1	1	0	0	0	0	0	
22	Chuyển nhượng + cấp đổi sổ mới	256	14	55	73	71	0	43	
23	Điều chỉnh QĐ Thu hồi đất	1	0	0	1	0	0	0	
24	Đính chính Giấy CN đã cấp	30	3	7	14	1	0	5	
25	Đính chính GCN đã cấp + GH	4	2	0	2	0	0	0	
26	Đính chính +Cấp đổi GC nhận đã cấp	1	0	0	0	1	0	0	

TT	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn giải quyết)	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng (đã quá thời gian giải quyết nhưng chưa có kết quả)	Ghi chú
			Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn				
27	Giao đất	19	0	3	5	2	0	9	
28	Gia hạn thời gian sử dụng đất	508	161	322	4	4	2	15	
29	Tặng cho	113	15	18	35	18	0	27	
30	Tặng cho + Cấp đổi số mới	92	9	17	23	20	0	23	
31	Thừa kế	25	4	8	7	0	0	6	
32	Thừa kế + Cấp đổi số mới	46	2	5	11	14	0	14	
33	Thẩm định HS giao đất	8	2	0	1	0	0	5	
34	Thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	18	0	0	0	5	0	13	
35	Thẩm định HS thuê đất	3	0	0	0	1	0	2	
36	Thẩm định HS thuê đất + thuê đất	1	0	0	0	1	0	0	
37	Chỉnh lý thu hồi (Biến động thu hồi)	45	9	27	4	1	0	4	
38	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp	8	0	0	0	1	0	7	
39	Thu hồi Giấy CNQSD đất + Cấp mới	2	1	0	0	0	0	1	
40	Hiển đường	3	0	0	1	0	0	2	
II	Người có công	0	0	0	0	0	0	0	
III	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	0	0	0	0	0	0	0	
IV	Lĩnh vực Lao động Tiền lương - BHXH	0	0	0	0	0	0	0	
V	Đăng ký kinh doanh	64	0	64	0	0	0	0	
1	Cấp mới GCN ĐK hộ kinh doanh	44	0	44	0	0	0	0	
2	Thay đổi nội dung ĐK hộ kinh doanh	13	0	13	0	0	0	0	
3	Cấp lại GCN ĐKKD	3	0	3	0	0	0	0	
4	Cấp lại GCN ĐKKD	4	0	4	0	0	0	0	
VI	Cấp Giấy phép xây dựng nhà ở tại đô thị	0	0	0	0	0	0	0	
VII	Cấp Giấy phép xây dựng nhà công trình	0	0	0	0	0	0	0	
B2.	Cấp xã	860	0	718	0	142	0	0	
I	Đất đai	497	0	355	0	142	0	0	

TT	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn giải quyết)	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng (đã quá thời gian giải quyết nhưng chưa có kết quả)	Ghi chú
			Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn				
	1 Chuyển nhượng	169	0	153	0	16	0	0	
	2 Tặng cho	27	0	27	0	0	0	0	
	3 Thừa kế	14	0	13	0	1	0	0	
	4 Đăng ký biến động	19	0	19	0	0	0	0	
	5 Cấp lại, cấp đổi	35	0	20	0	15	0	0	
	6 Tách thửa, hợp thửa	9	0	9	0	0	0	0	
	7 Cấp đổi	3	0	3	0	0	0	0	
	8 Chuyển mục đích	44	0	42	0	2	0	0	
	9 Cấp mới	153	0	49	0	104	0	0	
	10 Gia hạn	24	0	20	0	4	0	0	
II	<i>Người có công</i>	4	0	4	0	0	0	0	
	1 Giải quyết mai táng phí	4	0	4	0	0	0	0	
	2 Cấp thẻ bảo hiểm	0	0	0	0	0	0	0	
	3 Giải quyết chế độ cho đối tượng bị địch bắt tù, đày	0	0	0	0	0	0	0	
	4 Giải quyết chế độ cho đối tượng kháng chiến GPDT	0	0	0	0	0	0	0	
III	<i>Hộ tịch</i>	359	0	359	0	0	0	0	
	1 Thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	359	0	359	0	0	0	0	
	2 Thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng cộng A + B:		9.943	317	8.536	303	364	5	418	